TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2023
"V/v Ly hôn giữa anh Đinh Văn Điều và chị Lê Thị Phương"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phước.

2. Ông Lê Đình Hoà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tường- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 110/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2022, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Anh Đinh Văn Đ, sinh năm 1987; Địa chỉ: Xóm P, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

-*Bị đơn:* Chị Lê Thị P, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2022, bản tự khai ngày 11/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Đinh Văn Đ trình bày:

Anh Đ với chị Lê Thị P chung sống với nhau có hỏi cưới theo phong tục vào năm 2018; cả hai tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Hoà, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Sau khi hỏi cưới, cả hai chung sống nhưng không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau, chị P thường xuyên bỏ nhà đi không có lý do, không có trách nhiệm với con cái và gia đình, tình trạng kéo dài, chị P đã bỏ nhà đi từ năm 2021 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa, do mâu không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con: Vợ chồng có một người con chung là cháu Đinh Lê Thảo N, sinh ngày 18/7/2019. Từ khi vợ chồng không chung sống, cháu N do anh chăm sóc. Anh Đ yêu cầu tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: Anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Lê Thị P Toà án đã nhiều lần triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ nhưng chị P vẫn cố tình vắng mặt. Tại biên bản xác minh ngày 25/11/2022, Công an xã Phong Mỹ cho biết: chị P hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú và có mặt tại địa phương. Đại diện gia đình chị P cũng cho biết đã nhận được thông báo thụ lý vụ án; các giấy triệu tập; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải của Toà án và gia đình đã thông báo cho chị P biết, nhưng chị P nói không đến Toà án và yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nên đề nghị căn cứ Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Anh Đinh Văn Đ và chị Lê Thị P kết hôn hợp pháp; quá trình chung sống có một người con chung là các cháu Đinh Lê Thảo N, sinh ngày 18/7/2019.

Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử chấp nhận cho anh Đ ly hôn với chị P; về con chung giao cháu N cho anh Đ trực tiếp nuôi đến khi thành niên; về cấp dưỡng không ai có yêu cầu nên không xem xét; tài sản, nghĩa vụ chung không có yêu cầu nên không xem xét. Án phí dân sự sơ thẩm anh Đ phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn là chị Lê Thị P có địa chỉ cư trú tại xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Văn Đ và chị Lê Thị P kết hôn có đăng ký, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/11/2018. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Như vậy, quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn: Trên cơ sở yêu cầu ly hôn của anh Đinh Văn Đ; kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ về nguyên nhân mâu thuẫn và nguyện vọng của anh Đ, thấy rằng:

Anh Đ thừa nhận tình trạng mâu thuẫn vợ chồng do không hợp về tính cách, lối sống và đã không chung sống từ năm 2021 đến nay. Quá trình tố tụng, mặc dù Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần, nhưng chị P cố tình vắng mặt, chứng tỏ chị đã bỏ mặc, không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, con cái và cũng không có mong muốn đoàn tụ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu cho anh Đ được ly hôn chị P. Như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

[4] Về con: Anh Đinh Văn Đ và chị Lê Thị P có một người con chung là cháu Đinh Lê Thảo N, sinh ngày 18/7/2019.

Xét yêu cầu được giao trực tiếp nuôi con chung, thấy rằng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Thấy rằng, từ khi vợ chồng không chung sống, anh Đ là người đang nuôi dưỡng cháu N. Tại phiên tòa, chị P vắng mặt. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu giao cháu N cho anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến khi thành niên, như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với sinh hoạt hiện nay của cháu N.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã được phổ biến, giải thích nhưng tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Anh Đinh Văn Đ phải chịu án phí ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228;Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đinh Văn Đ; cho anh Đinh Văn Đ được ly hôn với chị Lê Thị P.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đinh Lê Thảo N, sinh ngày 18/7/2019 cho anh Đinh Văn Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, kể từ khi ly hôn đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Đinh Văn Đ phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0002018 ngày 11-10-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; anh Đ đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HNGĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt